

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6659/UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2017

V/v bổ sung kinh phí thực
hiện hỗ trợ tiền điện hộ
nghèo, hộ chính sách xã hội
năm 2016 và phân bổ kinh
phí năm 2017 trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 98.52
ĐẾN	Ngày: 27/10/17
	Chủ đề:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2016 và tình hình phân bổ kinh phí thực hiện Quý I năm 2017 tại Công văn số 3401/UBND-KT ngày 08/6/2017, trong đó, chưa bao gồm kết quả thực hiện năm 2016 đối với huyện Minh Long nguyên nhân thời điểm báo cáo huyện chưa triển khai thực hiện.

Đến nay, huyện Minh Long đã thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2016 và để bảo đảm công tác hạch toán, quyết toán, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo bổ sung kết quả thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2016 và tình hình phân bổ kinh phí thực hiện năm 2017, như sau:

1. Bổ sung kết quả thực hiện năm 2016:

a) Ngân sách Trung ương cấp năm 2016 để hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa sử dụng là 34.324,6 triệu đồng (tại Công văn số 3401/UBND-KT ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

b) Bổ sung kết quả thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2016 (đối với huyện Minh Long) là 1.351,2 triệu đồng, bao gồm:

- Quý I: 337,8 triệu đồng đối với 2.298 hộ nghèo;
- Quý II: 337,8 triệu đồng đối với 2.298 hộ nghèo;
- Quý III: 337,8 triệu đồng đối với 2.298 hộ nghèo;
- Quý IV: 337,8 triệu đồng đối với 2.298 hộ nghèo.

c) Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm 2017 tiếp tục thực hiện là 32.973,4 triệu đồng (34.324,6 triệu đồng – 1.351,2 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017:

Kinh phí Trung ương cấp năm 2016 còn thừa chuyển sang năm 2017 là 32.973,4 triệu đồng. Kinh phí phân bổ cho các huyện, thành phố năm 2017 là 30.812,83 triệu đồng tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: số 494/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 là 7.691,78 triệu đồng; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 là 7.829,37 triệu đồng và Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 là 15.291,68 triệu đồng.


(Chi tiết của từng huyện, thành phố theo Phụ lục 1 đến 4 đính kèm).

Phần kinh phí còn lại, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2018.

Kính báo cáo Bộ Tài chính theo dõi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính,
Lao động – Thương binh và Xã hội;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP(KT), TH, CBTH;
- Lưu: VT, Ktntha701.

 CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH
Phạm Trường Thọ

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**



Năm 2017

(Kèm theo Công văn số 166/UBND-KT ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: 32.973,4 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận Quý I năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng Quý I năm 2017: 32.973,4 triệu đồng
4. Kinh phí đã phân bổ Quý I năm 2017: 7.757,93 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	2,269	1,869	400	333.54
2	Lý Sơn	1,079	770	309	158.61
3	Bình Sơn	6,458	5,414	1,044	949.33
4	Sơn Tịnh	2,057	1,245	812	302.38
5	Tur Nghĩa	2,423	1,711	712	356.18
6	Nghĩa Hành	3,946	2,450	1,496	580.06
7	Mộ Đức	4,091	3,286	805	601.38
8	Đức Phổ	3,579	3,123	456	526.11
9	Trà Bồng	3,789	3,741	48	556.98
10	Sơn Hà	7,674	7,251	423	1,128.08
11	Sơn Tây	2,956	2,906	50	434.53
12	Minh Long	2,087	2,037	50	306.79
13	Ba Tơ	6,541	6,041	500	961.53
14	Tây Trà	3,826	3,416	410	562.42
Tổng cộng		52,775	45,260	7,515	7,757.93

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý I năm 2017: 52.775 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

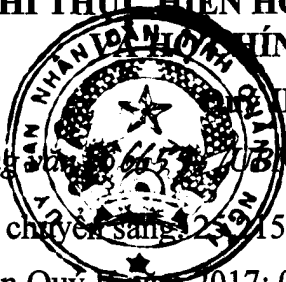
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý I năm 2017: 52.775 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 25.215,47 triệu đồng

KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO HÌNH SÁCH XÃ HỘI



Quý II Năm 2017

(Kèm theo Công văn số 665/UBND-KT ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: 25.215,47 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận Quý II năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng Quý II năm 2017: 25.215,47 triệu đồng
4. Kinh phí đã phân bổ Quý II năm 2017: 7.763,22 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	2,069	1,869	200	304.14
2	Lý Sơn	1,090	770	320	160.23
3	Bình Sơn	6,474	5,414	1,060	951.68
4	Sơn Tịnh	2,057	1,245	812	302.38
5	Tư Nghĩa	2,423	1,711	712	356.18
6	Nghĩa Hành	3,946	2,450	1,496	580.06
7	Mộ Đức	4,091	3,286	805	601.38
8	Đức Phổ	3,579	3,123	456	526.11
9	Trà Bồng	3,821	3,741	80	561.69
10	Sơn Hà	7,751	7,251	500	1,139.40
11	Sơn Tây	3,006	2,906	100	441.88
12	Minh Long	2,137	2,037	100	314.14
13	Ba Tơ	6,541	6,041	500	961.53
14	Tây Trà	3,826	3,416	410	562.42
Tổng cộng		52,811	45,260	7,551	7,763.22

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý II năm 2017: 52.811 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý II năm 2017: 52.811 hộ

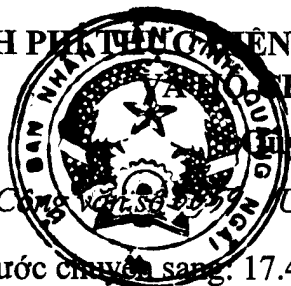
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 17.452,25 triệu đồng

**KINH PHÍ TIỀN TIỀN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**



Quý III Năm 2017

(Kèm theo Công văn số 2759/UBND-KT ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: 17.452,25 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận Quý III năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng Quý III năm 2017: 17.452,25 triệu đồng
4. Kinh phí đã phân bổ Quý III năm 2017: 7.640,18 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	2,068	1,882	186	304.00
2	Lý Sơn	785	770	15	115.40
3	Bình Sơn	6,304	5,414	890	926.69
4	Sơn Tịnh	1,935	1,235	700	284.45
5	Tur Nghĩa	2,516	1,744	772	369.85
6	Nghĩa Hành	3,625	2,375	1,250	532.88
7	Mộ Đức	4,136	3,286	850	607.99
8	Đức Phổ	3,743	3,123	620	550.22
9	Trà Bồng	3,810	3,739	71	560.07
10	Sơn Hà	7,801	7,251	550	1,146.75
11	Sơn Tây	2,906	2,680	226	427.18
12	Minh Long	2,128	2,036	92	312.82
13	Ba Tơ	6,391	5,946	445	939.48
14	Tây Trà	3,826	3,416	410	562.42
Tổng cộng		51,974	44,897	7,077	7,640.18

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý III năm 2017: 51.974 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ sáu trăm bốn mươi triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý III năm 2017: 51.974 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 9.812,07 triệu đồng

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**



Quý IV Năm 2017

(Kèm theo Công văn UBND-KT ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: 0 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận Quý IV năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng Quý IV năm 2017: 9.812,07 triệu đồng
4. Kinh phí đã phân bổ Quý IV năm 2017: 7.651,50 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	2,068	1,882	186	304.00
2	Lý Sơn	785	770	15	115.40
3	Bình Sơn	6,304	5,414	890	926.69
4	Sơn Tịnh	1,935	1,235	700	284.45
5	Tur Nghĩa	2,544	1,744	800	373.97
6	Nghĩa Hành	3,625	2,375	1,250	532.88
7	Mộ Đức	4,136	3,286	850	607.99
8	Đức Phổ	3,743	3,123	620	550.22
9	Trà Bồng	3,804	3,739	65	559.19
10	Sơn Hà	7,851	7,251	600	1,154.10
11	Sơn Tây	2,906	2,680	226	427.18
12	Minh Long	2,128	2,036	92	312.82
13	Ba Tư	6,396	5,946	450	940.21
14	Tây Trà	3,826	3,416	410	562.42
Tổng cộng		52,051	44,897	7,154	7,651.50

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý IV năm 2017: 52.051 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ sáu trăm năm mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý IV năm 2017: 52.051 hộ

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 2.160,57 triệu đồng